

Bản án số: 46/2018/DS-ST

Ngày 12-11-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Công Năng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đá

Ông Phạm Thanh Trọng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST-DS ngày 03/10/2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị Cẩm H, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh N, xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Danh Tuấn L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp số 8, thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Người làm chứng:

1/ Bà Trần Thị K, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh N, xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Vĩnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2018, quá trình giải quyết, tại phiên tòa

nguyên đơn Bà Trịnh Thị Cẩm H trình bày: Ngày 30/3/2017 bà cho anh Lộc vay số tiền 6.960.400 đồng để đóng phí bảo hiểm, có làm giấy tay và hẹn 60 ngày thanh toán nhưng cho đến nay anh Lộc vẫn không trả nợ. Yêu cầu anh Danh Tuấn L trả số tiền nợ gốc 6.960.400 đồng, lãi tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày khởi kiện làm tròn 11 tháng x 1,2%/tháng = 918.000 đồng. Tổng cộng 7.878.400 đồng.

Đối với bị đơn Danh Tuấn L sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án số 127/TBTL-VA ngày 09 tháng 5 năm 2018 và đã tổng đạt hợp cho bị đơn nhưng bị đơn không ý kiến và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã ra thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã tổng đạt hợp lệ hai lần nhưng bị đơn Danh Tuấn Lộc đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông L trả số tiền vay là 7.878.400 đồng (vốn 6.960.400 đồng, lãi 918.000 đồng) quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Thạnh T nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông L vắng mặt không lý do, đây là phiên tòa lần 02 và đương sự được triệu tập hợp lệ 02 lần nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Tại Tòa nguyên đơn bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông L trả số tiền 6.960.400 đồng, không yêu cầu số tiền lãi 918.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà H cho rằng có cho bị đơn ông L vay số tiền 6.960.400 đồng để đóng tiền phí bảo hiểm, bà nhờ ông Phạm Văn Đ ghi giấy mượn tiền thay, ông L có ký tên và hẹn 60 ngày thanh toán nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, để chứng minh lời trình bày của mình bà H nộp giấy mượn tiền (bút lục 32). Theo giấy mượn tiền nguyên đơn cung cấp thể hiện ông L có tham gia bảo hiểm Bảo Việt Nhân Thọ, phí 6 tháng là 6.960.400 đồng, mượn tiền của bà H để đóng

phí sau 60 ngày sẽ gửi lại, thấy rằng việc bà H cho ông L mượn tiền là có thật, phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng, bà Trần Thị K cho rằng bà H có đến nhà bà cùng một người (không rõ ai) để gặp ông Danh Tuấn L, nghe Hồng yêu cầu Lộc đóng tiền bảo hiểm nhưng Lộc nói chưa có tiền Hồng có gợi ý cho mượn tiền, Lộc đồng ý, thấy Lộc có ký tên và ông Phạm Văn Đ thừa nhận vào ngày 30/3/2017 có cùng bà H đến nhà bà Trần Thị K để gặp ông Danh Tuấn L, có ghi dùm giấy mượn tiền cho bà H, ông L có ký tên trong giấy mượn tiền, sau khi ký hợp đồng Hồng có giao cho ông số tiền 6.960.400 đồng để làm hồ sơ và đóng phí bảo hiểm cho Lộc. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông L trả số tiền 6.960.400 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đảm bảo đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại tòa và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông L trả số tiền vốn 6.960.400 đồng và chịu án phí sơ thẩm, xét đề nghị này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Hương được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trịnh Thị Cẩm H, buộc bị đơn ông Danh Tuấn L trả số tiền vay 6.960.400 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Danh Tuấn L phải chịu số tiền 348.000 đồng.

Nguyên đơn Bà Trịnh Thị Cẩm H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009219 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Biện Công Nặng